

Bản án số: **911/2025/HS-PT**

Ngày 27 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quốc Trí

Ông Nguyễn Văn Chương

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hương - *Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 689/TLPT-HS ngày 05/8/2025 đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự số 51/2025/HS-ST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo bị kháng cáo:**

1. **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm: 2002; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn H, xã H, TP. Hà Nội (*Trước đây là: Thôn H, xã B, huyện Ú, TP. Hà Nội*); Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Xuân N; Con bà: Tạ Thị T1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt.*

2. **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm: 2000; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn H, xã H, TP. Hà Nội. (*Trước đây là: Thôn H, xã B, huyện Ú, TP. Hà Nội*); Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Xuân N; Con bà: Tạ Thị T1; Vợ: Lê Võ Linh C; Có 01 con sinh năm: 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt.*

*** Bị hại có kháng cáo:** Bà **Trần Thị Vân T2**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số D ngách A H, phường K, TP. Hà Nội (*Trước đây là: Số D, ngách A H, phường K, quận T, TP. Hà Nội.*); *Có mặt.*

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Luật sư Hà Thị S, Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố H; *Có mặt.*

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm: 1974 và bà Tạ Thị T1, sinh năm 1979; Cùng trú tại: Thôn H, xã H, TP. Hà Nội. *(Trước đây là: Thôn H, xã B, huyện Ú, TP. Hà Nội); Có mặt.*

- Ông Đình Quang T3, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn B, xã H, TP. Hà Nội. *(Trước đây là: Thôn B, xã B, huyện Ú, TP. Hà Nội); Vắng mặt.*

*** Những người làm chứng:**

- Ông Dương Văn P, sinh năm: 1968; *Vắng mặt;*

- Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 2002; *Vắng mặt;*

- Anh Đào Văn T4, sinh năm: 2002; *Vắng mặt;*

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1970; *Vắng mặt;*

- Bà Dương Thị L1, sinh năm: 1964; *Vắng mặt;*

- Bà Phạm Thị Y, sinh năm: 1952; *Vắng mặt;*

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1963; *Vắng mặt;*

- Anh Nguyễn Hồng S1, sinh năm: 1979; *Vắng mặt;*

Cùng trú tại: Thôn H, xã H, TP. *(Trước đây là: Thôn H, xã B, huyện Ú, TP. Hà Nội)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 29/9/2024, bà Trần Thị Vân T2 đến nhà ông Đình Quang T5 để ăn cơm cùng với bạn của ông T5, trong đó có ông Nguyễn Xuân N. Quá trình ăn cơm cùng nhau, ông N nói ở nhà có 01 quyển sách tử vi muốn tặng lại cho bà T2. Sau khi ăn xong khoảng 14 giờ cùng ngày, ông N lái xe mô tô chở bà T2 về nhà tại thôn H để tìm sách, nhưng không thấy nên bà T2 bực tức, trách móc ông N. Lúc này vợ ông Nghĩa L2 bà Tạ Thị T1 đi vào nói chuyện với bà T2 thì giữa hai người xảy ra cãi chửi nhau, bà T1 dùng tay đâm vào mặt bà T2, bà T2 và bà T1 dùng tay túm tóc, giằng co, cào cấu vào mặt nhau. Thấy vậy, ông N vào can ngăn không được, sau đó dùng tay phải tát một phát vào mặt bên trái của bà T2, được mọi người can ngăn bà T2 chạy sang nhà ông Dương Văn P là hàng xóm ngồi ở đó, ông N gọi điện thoại bảo ông T5 đến đưa bà T2 về.

Khoảng 14 giờ 55 phút cùng ngày, Nguyễn Hoàng L là con trai ông N từ trên tầng 3 đi xuống thấy mặt mẹ ruột là bà T1 bị trầy xước nên hỏi chuyện, bà T1 nói lại việc xô sát với bà T2 cho L nghe. Sau đó L gọi điện cho Nguyễn Tuấn T là anh trai của mình thông báo cho T biết sự việc. T đi xuống hỏi L "ai đánh", L

trả lời "chạy ra ngoài đường rồi". Biết bà T2 đang ở nhà ông P, L chạy sang nhà ông P, T đi theo sau và rẽ vào phòng làm việc của ông N lấy 01 búa có đầu búa bằng cao su màu đen chạy theo L, cùng lúc này Nguyễn Thành Đ và Đào Văn T4 ở cùng thôn là bạn của L đi theo sau. Khi đến nhà ông P, L và T đi vào nhà thấy ông P, ông T5 và bà T2, L hỏi "cô là người đánh mẹ cháu à". Tiếp đó L xông lên đâm vào đầu bà T2, T vào sau tiếp tục hỏi "ai đánh mẹ cháu" thì ông T5 đứng dậy can ngăn, nhưng bị T dùng tay phải đâm trúng vào gò má phải và cầm búa tay trái xông đến vụt trúng vào đầu bà T2, được mọi người can ngăn đẩy T và L ra ngoài, ông N đến đuổi L và T đi về nhà, còn bà T2 được mọi người đưa đi cấp cứu.

Hậu quả:

- Bà T2 bị thương rách da đầu, sưng nề 2 mi mắt được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đ1, sau đó chuyển Bệnh viện M rồi chuyển Bệnh viện Đ2.

- Ông Đinh Quang T5 bị đau nhẹ ở gò má phải, không đi khám, điều trị ở cơ sở y tế nào.

- Bà Tạ Thị T1 bị trầy xước ở vùng mặt, không đi khám, điều trị ở cơ sở y tế nào.

Vật chứng thu giữ:

- 01 búa cao su dài 25cm, thân búa làm bằng gỗ đường kính 2,2cm, đầu búa làm bằng cao su màu đen dài 8cm, đường kính 4,5cm.

- 01 file video tên "6287839030559.mp4" được lưu trữ trong 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Sandisk Ultra 64GB thu tại nhà ông Dương Văn P.

- 01 file video tên "6256562178601 (1).mp4" được lưu trữ trong 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Sandisk Ultra 16GB thu tại nhà bà Tạ Thị T1.

Ngày 25/11/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ứng Hòa đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 1921 đối với thương tích của bà Trần Thị Vân T2 tại V1 - Bộ C1 để giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 9183 ngày 11/12/2024, của V1 - Bộ C1 kết luận:

"IV. Kết luận.

1. Các kết quả chính

Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định và khám chuyên khoa, xác định chị Trần Thị Vân T2 bị đa chấn thương đã được điều trị. Hiện tại để lại:

- Sẹo vùng thái dương – đỉnh trái kích thước 2,5x(0,1-0,3)cm.

- Diện biến đổi rối loạn sắc tố da vùng thái dương – má phải, kích thước 2,8x(0,1-0,5)cm.

- Mi mắt hai bên không có dấu vết thương tích. Không có cơ sở xác định giám định thị lực hai mắt liên quan đến chấn thương ngày 29/9/2024.

2. Kết luận

2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

Đối chiếu Bảng 1- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

- Sẹo vùng thái dương – đỉnh trái kích thước nhỏ: 01% (áp dụng Mục Nguyên tắc 1 và mục 1.1, chương 8)

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng thái dương – má phải: 01% (áp dụng Mục V, chương 8)

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Trần Thị Vân T2 tại thời điểm giám định là 2% (hai phần trăm).

2.2. Cơ chế hình thành thương tích

Các tổn thương trên cơ thể của chị Trần Thị Thúy V do vật tày gây nên".

Ngày 15/10/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ú đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 113 đối với các thương tích của bà Tạ Thị T1. Tuy nhiên, bà T1 từ chối giám định với lý do thương tích nhẹ, không đi khám, không điều trị ở đâu.

Ngày 10/02/2025, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ứng Hòa ra Quyết định trưng cầu giám định số 217 đối với hai đoạn video thu giữ.

Tại Bản kết luận giám định số 2196 ngày 16/4/2025, của Phòng K1 - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

"V. Kết luận về đối tượng giám định.

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file videos (ký hiệu A1) gửi giám định.

- Không xác định được nội dung hình ảnh trong file video (ký hiệu A2) gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không (do file không liên tục tại thời điểm 14:03:19 (thời gian tính theo thời gian hiển thị trên màn hình của file video), không xác định được nguyên nhân."

Đối với thương tích vùng thái dương má phải, tổn hại 01% sức khỏe bà Trần Thị Vân T2 khai do ông Nguyễn Xuân N gây nên, tuy nhiên quá trình điều tra xác định thương tích trên là do Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Tuấn T gây nên.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2025/HSST ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội đã quyết định:** Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T phạm tội: "Cố ý gây thương tích"; Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T

mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T cho UBND xã B, huyện Ú, TP. Hà Nội và gia đình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Tuấn T mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị Vân T2 số tiền là 7.500.000 đồng. Số tiền này được đối trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà, TP . ngày 26/5/2025. Hoàn trả cho các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T số tiền còn thừa mỗi bị cáo là 2.500.000 đồng. Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2025, bị hại Trần Thị Vân T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị hại giữ nguyên kháng cáo của mình, cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nhẹ đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T, đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo, đồng thời yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 300 triệu đồng đối với các thiệt hại về sức khỏe, tổn thất tinh thần và các thiệt hại khác như yêu cầu đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra, công nhận đã thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết, chấp hành các quyết định của bản án sơ thẩm, không kháng cáo và không có ý kiến nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị hại là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung*: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Về bồi thường dân sự: Mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10 triệu đồng tại Cơ quan Thi hành án để bồi thường cho bị hại. Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ bị hại giao nộp tại giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 15 triệu đồng và hoàn trả phần tiền thừa cho các bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị hại không giao nộp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh thiệt hại. Từ những căn cứ trên không có cơ sở chấp nhận kháng

cáo của bị hại về việc tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên tội danh, mức hình phạt, mức bồi thường của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. **Áp dụng:** Điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. **Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại có ý kiến: Các bị cáo không quen biết bị hại mà vô cớ lao vào tấn công bị hại nên cần áp dụng điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo và gia đình không có một lời xin lỗi, không bồi thường cho bị hại; Cấp sơ thẩm không xem xét đến trách nhiệm của ông N, bà T1 trong vụ án này là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị hại Trần Thị Vân T2 được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị hại là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 29/9/2024, tại thôn H, xã H, huyện Ú, TP. Hà Nội, sau khi Nguyễn Hoàng L biết việc mẹ mình là bà Tạ Thị T1 bị bà Trần Thị Vân T2 đánh nên đã bức tức gọi điện thoại cho Nguyễn Tuấn T (anh trai ruột của L) kể lại sự việc và đi tìm bà T2 để đánh. T chuẩn bị hung khí nguy hiểm là búa đầu bằng cao su đi

cùng với L sang nhà ông Dương Văn P nơi bà T2 đang ở đó. Tại đây, L dùng tay đấm 01 phát trúng vào đầu bà T2, T dùng tay trái cầm búa đập đầu bằng cao su 01 phát trúng vào đầu bà T2. Hậu quả làm bà T2 bị thương tích ở vùng thái dương – đỉnh trái và vùng thái dương – má phải, tổn hại 2% sức khỏe.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm sức khỏe của người khác. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị hại trong vụ án:

Sau khi xét xử bị hại có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã làm rõ, bị hại có kháng cáo cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là quá nhẹ, không đủ sức răn đe và giáo dục nên đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo đồng thời yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền 300 triệu đồng đối với các thiệt hại về sức khỏe, tổn thất tinh thần và các thiệt hại khác theo yêu cầu của bị hại tại cấp sơ thẩm.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- *Về hình phạt đối với các bị cáo:* Trong vụ án này các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có khung hình phạt đến 03 năm tù. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét:

+ Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, các bị cáo bị kích động về tinh thần bởi mẹ các bị cáo là bà Tạ Thị T1 đã bị thương tích do bị hại đánh nên không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại các điểm d, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả để bồi thường cho bị hại. Các bị cáo còn trẻ tuổi, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị hại cũng là người có lỗi khi đã xảy ra xô xát và gây thương tích cho mẹ của các bị cáo. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ và nhân thân của các bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại cấp sơ thẩm, bị hại có ý kiến yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 300 triệu đồng (*gồm các khoản như tiền thuốc, chi phí phục hồi, chi phí đi lại, ăn uống, thuê người chăm sóc, tổn thất tinh thần, các thiệt hại do bị mất thu nhập thực tế của bị hại và khoản tiền bồi*

thường do bị hủy hợp đồng chuyển nhượng căn hộ). Kèm theo đơn yêu cầu, bị hại có giao nộp một số hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc khám và điều trị thương tích bao gồm: Phiếu chỉ định dịch vụ kỹ thuật số tiền là 184.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng của Bệnh viện M cơ sở 2 với khoản tiền 2.150.000 đồng, 01 hợp đồng chuyển nhượng căn hộ, ngoài ra không có hoá đơn, chứng từ nào khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại và buộc hai bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị Vân T2 tổng số tiền là 15.000.000 đồng (*gồm các khoản: tiền thuốc, khám chữa và tổn thất tinh thần*), không chấp nhận các yêu cầu bồi thường khác của bị hại. Chia theo vị trí, vai trò, trách nhiệm, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 7.500.000 đồng. Mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa để bồi thường cho bị hại nên được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận, tuyên hoàn trả cho mỗi bị cáo 2.500.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy: Ngoài các yêu cầu bồi thường đã được cấp sơ thẩm xem xét và chấp nhận, bị hại không có tài liệu nào chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình, sau khi bị gây thương tích bị hại không phải điều trị nội trú tại bệnh viện, tỉ lệ thương tích của bị hại là 2%, mức bồi thường mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị hại không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh, mức hình phạt, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo.

[2.2] Về các nội dung khác

- Về án phí: Kháng cáo của bị hại không được chấp nhận nhưng nội dung kháng cáo của bị hại gồm yêu cầu bồi thường về sức khỏe nên bị hại được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Vân T2 về việc đề nghị tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo. Giữ

nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 51/2025/HS-ST ngày 19/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

1.1. Về tội danh và hình phạt:

- **Tuyên bố các bị cáo:** Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- **Áp dụng:** Điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hoàng L 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Tuấn T 06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T cho Ủy ban nhân dân xã H, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng mức bồi thường dân sự trong vụ án. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, cụ thể như sau:

- Áp dụng: Các Điều 584, 586 và 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/09/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Tuấn T mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị Vân T2 số tiền 7.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền này được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa theo biên lai thu tiền số 0012012 và 0012013 ngày 26/5/2025. Hoàn trả cho mỗi bị cáo số tiền còn thừa là 2.500.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Bà Trần Thị Vân T2 có quyền liên hệ với cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền để nhận số tiền các bị cáo đã bồi thường.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị hại Trần Thị Vân T2 được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSND tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- TAND khu vực 12;
- VKSND khu vực 12;
- Thị hành án dân sự TP. Hà Nội;
- Phòng Thị hành án dân sự Khu vực 12;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Huy